

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 5 - 2023.
V/v: Ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Thành

+ Ông Phạm Hùng Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Bùi Nguyên Huy - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 389/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị S, Sh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, Sh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị S trình bày: Bà S và ông Nguyễn Ngọc T tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau từ năm 2003, đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D. Thời gian chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên xảy ra, ông T hay đập phá đồ đạc trong nhà, đánh đập bà S và không lo làm ăn. Bà S đã rất cố gắng cho ông T nhiều cơ hội sửa đổi, để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng ông T vẫn không thay đổi. Hiện, bà S và ông T không còn sống chung với nhau từ tháng 9/2022 cho đến nay. Nay, bà S xác định không còn tình cảm với ông T, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà S được ly hôn với ông T. Về con chung: Bà S và ông T có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Anh T, Sh ngày 10/3/2004 và Nguyễn Hoàng T T, Sh ngày 02/6/2007. Về con chung Nguyễn Hoàng Anh T đã trưởng thành, khỏe mạnh nên bà S không yêu cầu giải quyết;

bà S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Hoàng T T cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Bà S không yêu cầu Tòa giải quyết. Về nợ chung: Bà S xác định không có.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày (bản khai ngày 22/12/2022 lập tại nơi cư trú, nhà ở của ông T): Ông T thống nhất với nội dung trình bày của bà S về thời gian đăng ký kết hôn và về các con chung. Ông T không đồng ý ly hôn vì vợ chồng ông không xảy ra mâu thuẫn gì, ông T vẫn còn thương vợ con; về con chung: Ông T không có ý kiến gì; về các nội dung khác (tài sản chung và nợ chung): Ông T không có ý kiến gì; ông T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt đối với ông.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà S được ly hôn ông T; Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hoàng T T, Sh ngày 02/6/2007 cho bà S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ông T không cấp dưỡng nuôi con chung; con chung Nguyễn Hoàng Anh T đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không xem xét, giải quyết; Về tài sản chung: Bà S không yêu cầu nên không xem xét; Về nợ chung: Bà S xác định không có nên không xem xét; Về án phí: Bà S phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị S và ông Nguyễn Ngọc T tự nguyện chung sống vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D vào năm 2008 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong thời gian chung sống, bà S và ông T xảy ra mâu thuẫn thường xuyên mỗi ngày, do ông T không chăm lo làm ăn, không có sự chia sẻ, tôn trọng bà S dẫn đến cuộc sống hôn nhân giữa hai bên luôn xung đột, cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Theo ý kiến của ông T nêu tại bản từ khai ngày 22/12/2022, ông T trình bày không đồng ý ly hôn với bà S. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng, nêu ý kiến trình bày để thể hiện sự thiện chí, mong muốn trong việc hàn gắn, duy trì hạnh phúc gia đình cùng với bà S. Điều này cho thấy, ông T bỏ mặc, không muốn cố gắng, tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà S. Vì vậy, đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông T đã phát Sh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà S được ly hôn ông T.

[3]. Về con chung: Bà Trần Thị S và ông Nguyễn Ngọc T có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Anh T, Sh ngày 10/3/2004 và Nguyễn Hoàng T T, Sh ngày 02/6/2007. Về con chung Nguyễn Hoàng Anh T đã trưởng thành, khỏe mạnh nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đối với con chung cháu T, bà S có nguyện vọng được nuôi cháu T, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu T đang do bà S trực tiếp nuôi, bà S có công việc và chỗ ở ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi con chung và tại bản tự khai ngày 13/12/2022, cháu T cũng có nguyện vọng được ở với bà S. Nên Hội đồng xét xử xét cần giao con chung cháu T cho bà S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà S không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà S và ông T đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung

[4]. Về tài sản chung: Bà S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Bà S xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Bà S phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị S được ly hôn ông Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hoàng T T, Sh ngày 02/6/2007 cho bà Trần Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ông Nguyễn Ngọc T không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà S và ông T đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với con chung Nguyễn Hoàng Anh T, Sh ngày 10/3/2004 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị S không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị S nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0012304 ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Khánh Hòa; bà S đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND thị trấn D (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ